

Việt Yên, ngày 06 tháng 9 năm 2025

Số: 124/KH-TH&THCS

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025 - 2026**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ công văn số 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ công văn 4555/BGDĐT-GDTH ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025 - 2026;

Căn cứ công văn số 2358/QĐ-BGDĐT ngày 20/8/2025 v/v ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026 của ngành Giáo dục

Căn cứ công văn 4567/BGDĐT-GDTH ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025 - 2026;

Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học trong chương trình GDPT 2018.

Căn cứ TT 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Căn cứ TT 37/2021/TT-BGDĐT Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học.

Căn cứ Quyết số Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;

Công văn số 694/SGDDĐT- GDPT ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Thông tư 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 hướng dẫn lồng ghép giáo dục quốc phòng an ninh trong trường tiểu học, trường THCS và trường THPT có nhiều cấp học;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2024 - 2025 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2025 - 2026.

Trường TH&THCS Việt Cường xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường đối với khối tiểu học năm học 2025 - 2026 như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương:

Ngày 01/7/2025 thực hiện chủ trương mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xã Việt Yên mới được thành lập từ 03 xã cũ: xã Yên Phú, xã Việt Yên, xã Thanh Long. Xã Việt Yên sau sáp nhập nằm về phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách thành phố Hưng Yên 30 km, cách Thủ đô Hà Nội 30 km về phía Tây Bắc; có các huyết mạch giao thông chính đi qua như cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường vành đai 4 Hà Nội, đường Hà Nội - Hưng Yên (tỉnh lộ 379), đường tỉnh 381 và một số đường giao thông quan trọng khác.

Xã Việt Yên tính đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 có 25 thôn với 32.997 nhân khẩu, tổng diện tích đất tự nhiên là 19,60 km², có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp xã Yên Mỹ và xã Nguyễn Văn Linh; phía Tây giáp xã Triệu Việt Vương; phía Nam giáp xã Việt Tiến; phía Bắc giáp xã Hoàn Long.

Ngay sau khi sáp nhập, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) xã Việt Yên đã xác định mục tiêu trọng tâm là phục vụ nhân dân tốt hơn, phát triển địa phương nhanh hơn, quan tâm có chiều sâu hơn đến sự phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương. Công tác xã hội hóa giáo dục (XHHGD) của xã cũng được quan tâm, phát triển mạnh, thu hút đông đảo nhân dân và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn đồng lòng, chung tay xây dựng cơ sở vật chất (CSVC) cho nhà trường ngày càng khang trang hơn, tích cực tham gia hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường.

2.1. Đặc điểm học sinh nhà trường(Khối tiểu học)

Khối lớp	Tổng số học sinh	Số lớp	HS học 2 buổi/ngày và trên 5 buổi//tuần		HS nữ	HS khuyết tật	HS hộ nghèo	HS hộ cận nghèo	Ghi chú
			6 -8 buổi	9-10 buổi					
1	52	2	0	52	28	0	1		
2	52	2	0	52	27	0	1		
3	56	2	0	56	28	0	1		
4	55	2	0	55	26	2	1		
5	69	2	0	68	28	0	1	1	
Tổng	284	10	0	284	137	2	5	1	

Tỷ lệ HS/lớp: 28,4 HS/lớp

Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

Phần lớn các em ngoan ngoãn, lễ phép, vâng lời thầy cô, chăm học, sáng tạo và hợp tác tốt trong các hoạt động.

Phần lớn các em HS đoàn kết, chan hòa, yêu thương bạn bè, các em cùng thầy cô hướng tới xây dựng trường học hạnh phúc.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý khối tiểu học

Tổng số CB, GV, NV	Nữ	Trong đó			Trình độ đào tạo			Ghi chú
		CBQL	GV	NV	Ths	ĐH	CĐ	
15	13	0	14	1	0	14	1	

+ Về chất lượng: Đội ngũ CBGVNV có năng lực công tác, giảng dạy có chất lượng. Hàng năm được bồi dưỡng, học tập thường xuyên, để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

+ Về nhận thức xây dựng trường học hạnh phúc: 100% CBGVNV nhà trường yêu nghề, tận tụy với học sinh, quan tâm tới tâm lý, tinh thần các em, luôn duy trì cảm xúc tích cực trong các hoạt động, tạo tâm trạng tốt cho HS khi tham gia các hoạt động học tập tại trường.

2.3. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định đáp ứng tương đối cho yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục, cho việc dạy và học của đơn vị. Đảm bảo cơ bản CSVN cần thiết cho thực hiện chương trình GDPT 2018.

Các phòng học đảm bảo cho việc thực hiện học 2 buổi/ngày.

Cụ thể như sau:

Số phòng học				Số phòng chức năng					Sân chơi, bãi tập, vườn trường
Kiên cố	Thư viện xanh	Lán xe	Nhà vệ sinh	Thư viện- Thiết bị	Phòng nghệ thuật	Phòng Tin học	Phòng ngoại ngữ	Phòng chức năng khác	
10	0	01	03	01	0	1	0	0	- Sân chơi: 3000 m ²

Tất cả các phòng học đã đầy đủ các trang thiết bị trong các phòng học như bàn ghế, bảng, điện thắp sáng, quạt, điều hòa,... đảm bảo cho việc dạy học.

+ *Thiết bị dạy học*: 100% các phòng học được trang bị các thiết bị ứng dụng CNTT để GV sử dụng trong giảng dạy: tivi 75 ink, bảng tương tác thông minh cùng các đồ dùng dạy học đảm bảo cho GV giảng dạy.

+ *Công tác bán trú*: Nhà trường không tổ chức bán trú bởi học sinh chủ yếu ở 3 thôn Thanh Xá, Mỹ Xá, Thái Nội, khoảng cách từ nhà đến trường khoảng cách gần, phụ huynh học sinh có thể đưa đón HS.

2.4. Điểm yếu

Cơ sở vật chất nhà trường vẫn còn thiếu nhà đa năng, sân tập chưa có mái che.

Đội ngũ giáo viên của nhà trường còn thiếu (Thiếu giáo viên Tin học – Công nghệ)

Một số học sinh là con em của các gia đình bố mẹ đều đi làm ăn xa nên việc quan tâm đến con cái chưa kịp thời, vì thế gây khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Mục tiêu chung

1.1. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2025-2026 bảo đảm tính khoa học, sư phạm, khai thác tối đa hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học giúp học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình; tăng cường công tác bảo đảm an toàn trường học; thực hiện có hiệu quả việc dạy học 2 buổi/ngày.

1.2. Tham mưu các cấp có thẩm quyền tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục tiểu học, bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; bố trí đủ và nâng cao chất lượng cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên trong bối cảnh sáp nhập, tinh gọn bộ máy, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và điều chỉnh địa giới hành chính.

1.3. Nâng cao hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM/STEAM, giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục sử dụng AI; nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là Tiếng Anh; chuẩn bị tốt các điều kiện bảo đảm để từng bước đưa Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường.

1.4. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục hoà nhập cho học sinh khuyết tật.

1.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới trong công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra nội bộ; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục tiểu học vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội các cấp với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của địa phương.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- Duy trì sĩ số 100%, không có học sinh bỏ học.
- Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1
- Học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 99 - 100%
- HS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100 %
- Học sinh tham gia các cuộc giao lưu: Từ 3-5% trở lên.
- Học sinh được khen thưởng cấp trường : 50- 60%
- 100% học sinh biết yêu thương đoàn kết, biết giúp đỡ bạn bè, biết chăm sóc môi trường xanh, sạch đẹp và có các kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.
- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống.

- Đảm bảo thực hiện giáo dục hòa nhập cho các học sinh khuyết tật của trường, những học sinh còn gặp khó khăn trong học tập được hỗ trợ để đạt yêu cầu.

- Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm, huy động 100% học sinh tham gia với kết quả tốt.

2.1. Khối lớp 1: 02 lớp với 52 HS

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC

Năng lực		SL	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	52	43	82,7	9	17,3	0	0
	G tiếp & hợp tác	52	43	82,7	9	17,3	0	0
	GQVĐ và ST	52	43	82,7	9	17,3	0	0
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	52	43	82,7	9	17,3	0	0
	Tính toán	52	35	67,3	17	32,7	0	0
	Khoa học	52	35	67,3	17	32,7	0	0
	Thẩm mỹ	52	35	67,3	17	32,7	0	0
	Thể chất	52	35	67,3	17	32,7	0	0

CHỈ TIÊU VỀ PHẨM CHẤT

Phẩm chất	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	48	92,3	4	7,7	0	0
Nhân ái	48	92,3	4	7,7	0	0
Chăm chỉ	48	92,3	4	7,7	0	0
Trung thực	48	92,3	4	7,7	0	0
Trách nhiệm	48	92,3	4	7,7	0	0

2.2. Khối lớp 2: 02 lớp: 52 HS

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC

Năng lực		SL	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	52	43	82,7	9	17,3	0	0
	G tiếp & hợp tác	52	43	82,7	9	17,3	0	0
	GQVĐ và ST	52	43	82,7	9	17,3	0	0
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	52	43	82,7	9	17,3	0	0
	Tính toán	52	35	67,3	17	32,7	0	0
	Khoa học	52	35	67,3	17	32,7	0	0
	Thẩm mỹ	52	35	67,3	17	32,7	0	0
	Thể chất	52	35	67,3	17	32,7	0	0

CHỈ TIÊU VỀ PHẨM CHẤT

Phẩm chất	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	48	92,3	4	7,7	0	0
Nhân ái	48	92,3	4	7,7	0	0
Chăm chỉ	48	92,3	4	7,7	0	0
Trung thực	48	92,3	4	7,7	0	0
Trách nhiệm	48	92,3	4	7,7	0	0

2.3 Khối lớp 3: 02 lớp: 56 HS**CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC**

Năng lực		Số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	56	41	73.2	15	26.8	0	0
	G tiếp&hợp tác	56	40	71.4	16	28.6	0	0
	GQVĐ và ST	56	43	76.8	13	23.2	0	0
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	56	43	76.8	13	23.2	0	0
	Tính toán	56	37	66.1	19	33.9	0	0
	Khoa học	56	43	76.8	13	23.2	0	0
	Thẩm mỹ	56	43	76.8	13	23.2	0	0
	Thể chất	56	41	73.2	15	26.8	0	0

CHỈ TIÊU VỀ PHẨM CHẤT

Phẩm chất	Số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	56	56	100	0	0	0	0
Nhân ái	56	51	91.1	5	8.9	0	0
Chăm chỉ	56	46	82.1	10	17.9	0	0
Trung thực	56	46	82.1	10	17.9	0	0
Trách nhiệm	56	41	73.2	15	26.8	0	0

2.4 Khối lớp 4: 02 lớp: 55 HS**CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC**

Năng lực		SL	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	55	44	80	11	20	0	0
	G tiếp&hợp tác	55	46	83.6	9	16.4	0	0
	GQVĐ và ST	55	44	80.0	11	20.0	0	0

Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	55	44	80.0	11	20.0	0	0
	Tính toán	55	46	83.6	9	16.4	0	0
	Khoa học	55	44	80.0	11	20.0	0	0
	Thẩm mỹ	55	47	85.5	8	14.5	0	0
	Thể chất	55	43	78.2	12	21.8	0	0

CHỈ TIÊU VỀ PHẨM CHẤT

Phẩm chất	Số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	55	45	81.8	10	18.2	0	0
Nhân ái	55	47	85.5	8	14.5	0	0
Chăm chỉ	55	48	87.3	7	12.7	0	0
Trung thực	55	50	90.9	5	9.1	0	0
Trách nhiệm	55	48	87.3	7	12.7	0	0

2.4 Khối lớp 5: 02 lớp: 69 HS

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC

Năng lực		Số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	69	53	76.8	16	23.2	0	0
	G tiếp&hợp tác	69	54	78.3	15	21.7	0	0
	GQVĐ và ST	69	56	81.2	13	18.8	0	0
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	69	60	87.0	9	13.0	0	0
	Tính toán	69	60	87.0	9	13.0	0	0
	Khoa học	69	60	87.0	9	13.0	0	0
	Thẩm mỹ	69	60	87.0	9	13.0	0	0
	Thể chất	69	60	87.0	9	13.0	0	0

CHỈ TIÊU VỀ PHẨM CHẤT

Phẩm chất	Số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	69	53	76.8	16	23.2	0	0
Nhân ái	69	54	78.3	15	21.7	0	0
Chăm chỉ	69	56	81.2	13	18.8	0	0
Trung thực	69	53	76.8	16	23.2	0	0
Trách nhiệm	69	56	81.2	13	18.8	0	0

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

*** Dự kiến các môn học tự chọn; chương trình phối hợp; các hoạt động sau giờ học chính khóa.**

+ *Học Tiếng Anh trên tinh thần tự nguyện:*

Đối với khối lớp 1, 2 phối hợp với công ty được các cấp cho phép :

Thời lượng 08 tiết/tháng GVVN.

Học phí/HS/tháng

+ *Tham gia hoạt động trải nghiệm GD STEM đối với tất cả các khối lớp trên tinh thần tự nguyện (thực hiện sau giờ học chính khóa trong tuần):*

Thời lượng 2 tiết/tuần

Học phí/HS/tháng

Việc học các môn tự chọn, tăng cường, hoạt động sau giờ chính khóa chỉ triển khai khi phụ huynh tự nguyện đăng ký cho con học và các công ty hợp tác có đầy đủ hồ sơ pháp lý được cấp phép theo quy định.

Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục củng cố, tăng cường nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên bậc học tiếp theo.

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục:

Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK 1	HK 2	Tổng	HK 1	HK 2	Tổng	HK 1	HK 2	Tổng	HK 1	HK 2	Tổng	HK 1	HK 2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	Tự nhiên và xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	Khoa học										70	36	34	70	36	34
6	Lịch sử & Địa lý										70	36	34	70	36	34
7	HD trải nghiệm	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
8	Công nghệ - Kỹ thuật							35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
13	GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
14	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
TỔNG		875	450	425	875	450	425	980	504	476	1050	540	510	1050	540	510
2. Môn học tự chọn																
1	Tiếng Anh lớp 1, 2	70	36	34	70	36	34									
2	Tin học	35	18	17	35	18	17									
TỔNG		70	36	34	70	36	34									
3. Môn học theo nhu cầu người học (tự nguyện)																
2	GD Stem lớp 1-5	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34

3	TA yếu tố NN 3,4,5																
TỔNG		70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	
4. Môn học củng cố																	
1	Tiếng việt (LT)	35	17	18	35	17	18	35	18	17							
2	Toán (LT)	35	17	18	35	17	18	35	18	17							
TỔNG		70	34	36	70	34	36	70	34	36							
Tổng số tiết/35 tuần		1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	

2. Các hoạt động giáo dục tập thể theo nhu cầu người học

Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học 2025-2026

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện
9/2025	Truyền thống nhà trường	Ngày hội đến trường + Trực tiếp: Chào HS lớp 1, tặng hoa, trao quà học sinh nghèo. + Trực tuyến: Lễ khai giảng từ Bộ GD&ĐT	+ Tập trung tại sân trường + Tại các phòng lớp học và phòng họp.	Sáng thứ sáu 05/9/2025 (chiều nghỉ)	Toàn trường
10/2025	Chủ đề: “Tết Trung thu”	+ Tổ chức “Vàng trắng cô tích”	+ Các lớp tổ chức bày mâm ngũ quả	Sáng thứ 2 06/10/2025	GVCN
11/2025	Chủ đề: “Kính yêu thầy cô”	+ Giao lưu văn nghệ	+ Tổ chức hoạt động toàn trường	Sáng thứ tư 20/11.	HS, GVNV CBGVNV
12/2025	Chủ điểm: “Uống nước”	+ Giao lưu TĐTT:	HS toàn trường	Dự kiến Sáng thứ hai 22/12/2025	CBGVNV, HS

	nhớ nguồn”				
01, 02/2026	Chủ điểm: Mừng Đảng - Mừng xuân	- Hoạt động trải nghiệm	+ Tổ chức hoạt động toàn trường	Dự kiến ngày thứ sáu 16/01/2026	Toàn trường
03/2026	Chủ điểm: Tiến bước lên Đoàn	+ Ngày Hội thiếu niên vui khỏe.	+ Tổ chức hoạt động tại sân trường, các bài múa hát tập thể.	Sinh hoạt dưới cờ	Toàn trường
04/2026	Chủ điểm: Phát triển văn hóa đọc	+ Tổ chức ngày Hội đọc sách	+ Tổ chức theo lớp	Sáng thứ hai 20/4/2026	HS toàn trường
05/2026	Chủ điểm: Kính yên Bác Hồ	+ Kỷ niệm ngày thành lập Đội TNTPHCM + Các hoạt động về ngày sinh nhật Bác	+ Tổ chức giờ sinh hoạt lớp theo chủ điểm	Lồng ghép vào giờ HĐTN (sinh hoạt lớp) Lồng ghép vào HĐTN (giờ sinh hoạt tập thể dưới cờ đầu tuần	HS toàn trường

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026 và kế hoạch dạy học các môn học, các hoạt động giáo dục (phụ lục 1.4)

Thực hiện theo Quyết định số: 555/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026.

Tại trường Tiểu học và trung học cơ sở Việt Cường (Đối với khối tiểu học) thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

Ngày tựu trường: Đối với lớp 1 ngày 22/8/2025.

Đối với lớp 2,3,4,5 ngày 29/8/2025.

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024

Có 35 tuần thực học;

Học kỳ I: Từ ngày 08/9/2025, kết thúc trước ngày 18/01/2025 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Học kỳ II: Học kỳ 2 bắt đầu từ ngày 19/1/2026, hoàn thành chương trình và kết thúc năm học trước ngày 31/5/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày từ khối lớp 1 đến khối lớp 5, mỗi ngày không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút, thực hiện kế hoạch dạy học 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần. Cả năm học có 35 tuần thực học.

Khung thời gian biểu trong ngày

Sáng	Thời gian	Chiều	Thời gian
Truy bài	7h15 phút - 7h30phút		
Tiết 1	7h30 phút - 8h05 phút	Tiết 1	14h00 phút - 14h35 phút
Tiết 2	8h05 phút - 8h40 phút	Tiết 2	14h35 phút - 15h10 phút
Ra chơi	8h40 phút - 9h00 phút	Ra chơi	15h10 phút - 15h30 phút
Tiết 3	9h00 phút - 9h35 phút	Tiết 3	15h30 phút - 16h05 phút
Tiết 4	9h35 phút - 10h10 phút		
Tiết 5	10h10 phút - 10h45 phút		

* Lưu ý: + Mỗi tiết học 35 phút.

+ Ra chơi 20 phút

* Căn cứ vào quy chế chuyên môn:

Sinh hoạt chuyên môn tổ 2 lần/tháng

* Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học:

Nghỉ Quốc khánh 02 từ ngày 01/9/2025 đến hết ngày 02/9/2025

Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày: 01/01/2026 (thứ năm)

Nghỉ Tết Âm lịch từ 16/02/2026 (thứ hai 29/12/2025 ÂL) đến hết ngày 22/02/2026 (chủ nhật 06/01/2026 ÂL)

Nghỉ giỗ Tổ Hùng Vương 01 ngày thứ hai 27/4/2026 (nghỉ bù vào 11/3 AL)

Ngày Giải phóng Miền Nam 30/4/2026 (thứ năm)

Ngày Quốc tế Lao động 01/5/2026 (thứ sáu)

Tại Trường TH&THCS Việt Cường thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học 2025-2026
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần - Năm học 2025-2026
TUẦN 0 (02/9-7/9/2025)**

Thời gian		1/9	2/9	3/9	4/9	5/9	6/9	7/9	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1					KG năm học mới trực tuyến do BGD tổ chức.			
	2		Nghỉ lễ	Chuẩn bị KG	Chuẩn bị KG				
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
	8								

TUẦN 1 đến TUẦN 10 (08/9 – 13/9/2025 ĐẾN 15/11 THỰC HIỆN THEO TKB)

Thời gian		8/9	9/9	10/9	11/9	12/9	13/9	14/9	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
	5				LL				
Chiều	5	LL	LL	LL		LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		LL			

TUẦN 11 (17/11 – 22/11/2025)

Thời gian		17/11	18/11	19/11	20/11	21/11	22/11	23/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần (nếu có)
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	C Nhật	
Sáng	1	HĐDC	LL	LL	Nghỉ HĐ 20/11	LL	LL	Nghỉ hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo VN 20/11 (Sáng thứ 5). Dạy đầy bù bài vào ngày 22/11. Sáng thứ 7.	
	2	LL	LL	LL		LL	LL		
	3	LL	LL	LL		LL	LL		
	4	LL	LL	LL		LL	LL		
Chiều	5	LL	LL	LL		LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		LL			

TUẦN 12 (24/11 – 29/11/2025)

Thời gian		24/11	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11	30/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần (nếu có)
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	C Nhật	
Sáng	1	HĐDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
					LL				
Chiều	5	LL	LL	LL		LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		LL			

TUẦN 16 (22-27/12/2025)

Thời gian		22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	30/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần (nếu có)
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	C Nhật	
Sáng	1	Nghỉ hoạt động 22/12	LL	LL	LL	LL	LL		Nghỉ hoạt động 22/12, (Sáng thứ 2) các khối lớp dạy bù đầy bài vào sáng thứ 7; (27/12)
	2		LL	LL	LL	LL	LL		
	3		LL	LL	LL	LL	LL		
	4		LL	LL	LL	LL	LL		
	5				LL				
Chiều	5	LL	LL	LL		LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		LL			

TUẦN 17 (29/12 – 03/1/2026)

Thời gian		29/12	30/12	31/12	1/1	2/1	3/1	4/1	Điều chỉnh kế hoạch tuần (nếu có)
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	C Nhật	
Sáng	1	HĐDC	LL	LL	Nghỉ tết DL	LL	LL		Nghỉ tết dương lịch 1/1/2026 (thứ 5). Dạy đầy, bù bài sang Sáng thứ 7
	2	LL	LL	LL		LL	LL		
	3	LL	LL	LL		LL	LL		
	4	LL	LL	LL		LL	LL		
Chiều	5	LL	LL	LL		LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		LL			

TUẦN ĐỆM (12/01 – 18/01/2025)
TUẦN ĐỆM DẠY CÁC BÀI ATGT và CÁC PHẦN GDP CHƯA LÒNG GHEP

Thời gian	12/1	13/1	14/1	15/1	16/1	17/1	18/1	Điều chỉnh kế hoạch
-----------	------	------	------	------	------	------	------	---------------------

TUẦN 31 (20-25/4/2026)

Thời gian		20/4	21/4	22/4	23/4	24/4	25/4	26/4	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐDC	LL	LL	LL	LL	LL		- Nghỉ bù Giỗ tổ Hùng Vương thứ 2 tuần 32; Dạy bù đầy bài về ngày thứ 7 tuần 31
	2	LL	LL	LL	LL	LL	LL		
	3	LL	LL	LL	LL	LL	LL		
	4	LL	LL	LL	LL	LL	LL		
Chiều	5	LL	LL	LL	SHCM	LL	LL		
	6	LL	LL	LL		LL	LL		
	7	LL	LL	LL		LL	LL		
	8								

TUẦN 32 (27/4-2/5/2026)

Thời gian		27/4	28/4	29/4	30/4	1/5	2/5	3/5	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương (10/3 ÂL)	LL	LL	Nghỉ 30/4	Nghỉ 1/5	LL		Thứ 5, 6 tuần 32 nghỉ GPMNVN - QTLD (30/4-01/5) - GV dạy đầy thứ 5 dạy bù sang sáng thứ 7 tuần 32; Thứ 6 tuần 32 dạy bù đầy bài vào chiều thứ 7 tuần 32 và dần sang sáng thứ 7 tuần 33.
	2		LL	LL			LL		
	3		LL	LL			LL		
	4		LL	LL			LL		
Chiều	5		LL	LL			LL		
	6		LL	LL			LL		
	7		LL	LL			LL		

TUẦN 33 (4-9/5/2026)

Thời gian		4/5	5/5	6/5	7/5	8/5	9/5	10/5	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐDC	LL	LL	LL	LL	LL	LL	- GV tiếp tục dạy đầy bù bài CT6 tuần 32 dần sang Sáng thứ 7 tuần 33.
	2	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	
	3	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	
	4	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	
Chiều	5	LL	LL	LL		LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		LL			
	8								

TUẦN 35 (18-23/5/2026)

Thời gian		18/5	19/5	20/5	21/5	22/5	23/5	24/5	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL		LL			
	6	LL	LL	LL	HHĐ	LL			
	7	LL	LL	LL		LL			
	8								

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Tham mưu với các cấp chính quyền địa phương, phòng kinh tế đầu tư cơ sở vật chất, đồ dùng thiết bị dạy học; xây dựng khu nhà hiệu bộ nhà đa năng và bãi tập có mái che. Tập trung đầu tư các thiết bị để ứng dụng thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường.

Tổ chức kiểm kê, bổ sung các thiết bị, đồ dùng đảm bảo cho các hoạt động dạy và học.

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

Tham mưu với các cấp bổ sung đủ số lượng CBQL giáo viên dạy Tin học, GDTC.

Tiếp tục công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đội ngũ CBGVNV về đổi mới giáo dục. Thường xuyên động viên khích lệ giáo viên có ý tưởng sáng tạo, cải tiến kỹ thuật dạy học mang lại hiệu quả cao.

Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018

Chỉ đạo công tác tự học, tự bồi dưỡng của đội ngũ CBGVNV nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ. Động viên mỗi CBGVNV chủ động thay đổi để nâng cao hiệu quả công việc với phương châm “Mỗi giờ lên lớp có một bước tiến trong giảng dạy, mỗi ngày đến trường có một đổi mới trong công việc”

Tạo mọi điều kiện cho CB, GV, NV trong công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức, chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

Tổ chức giao lưu học tập kinh nghiệm từ các trường bạn.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn tổ 2 lần/tháng, sinh hoạt chuyên môn trường ít nhất 5 lần/năm

Phối hợp tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên theo cụm chuyên môn

Chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn triển khai đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, phát huy năng lực phẩm chất học sinh.

Thực hiện chuyên đề và tổ chức sinh hoạt chuyên môn hàng tháng nhằm nâng cao chất lượng bồi dưỡng giáo viên giúp giáo viên thực hiện tốt việc đổi mới PPDH.

Mỗi khối lớp phân công giáo viên nghiên cứu chuyên sâu một số môn học để rút kinh nghiệm triển khai chương trình trong các buổi họp chuyên môn.

Thực hiện số hóa trong công tác nộp và ký duyệt các loại kế hoạch, học bạ số.

4. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua

Triển khai thực hiện đầy đủ văn bản, hướng dẫn của cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng.

Triển khai thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động do ngành và cấp trên phát động với chủ đề: “Kỷ cương - Sáng tạo – Đột phá – Phát triển”

Xây dựng nhà trường “Thầy mẫu mực, trò tích cực”, “*mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo*”, tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các hoạt động học tập và rèn luyện của học sinh, giáo viên, khắc phục mọi khó khăn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2025 – 2026.

5. Công tác phòng, chống dịch bệnh, thiên tai và phương án dạy học

Thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo khuyến cáo của Bộ Y tế và phòng chống thiên tai theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

Xây dựng sẵn sàng các phương án giảng dạy; thực hiện dạy Online nếu có dịch bùng phát trên địa bàn khi có chỉ đạo cấp trên.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong trường học:

Tổ chức cho CBGV tập huấn bồi dưỡng về ứng dụng CNTT; chuyển đổi số trong trường học.

Thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục, quản lý hồ sơ sổ sách giáo viên trên môi trường số, học bạ điện tử, thư viện số.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng.

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo quy định của Bộ GD&ĐT; SGK, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết

định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của giáo viên.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

1.2. Đối với Phó hiệu trưởng:

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 tiết/ngày; 9 buổi/tuần.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

1.3. Đối với Tổ trưởng tổ chuyên môn:

Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng

mắc trong việc thực hiện Chương trình GDPT năm 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5.

Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

1.4. Đối với giáo viên:

Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.

Quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn.

Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

Giáo viên làm công tác chủ nhiệm, ngoài các nhiệm vụ trên, còn có các nhiệm vụ sau đây:

Chủ động nắm bắt thông tin từng học sinh của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; xây dựng các hoạt động giáo dục của lớp thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh,

với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh.

Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng và được hiệu trưởng phê duyệt.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ, giáo viên, tổng phụ trách Đội, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh lớp mình chủ nhiệm; tổng hợp nhận xét, đánh giá học sinh cuối kỳ I và cuối năm học; hướng dẫn học sinh bình bầu và đề nghị khen thưởng; lập danh sách học sinh đề nghị ở lại lớp; hoàn chỉnh học bạ số cho học sinh.

Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với hiệu trưởng.

1.5. Đối với Tổng phụ trách Đội:

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Phối hợp thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

1.6. Đối với nhân viên thư viện, thiết bị:

Tổ chức các hoạt động của thư viện, thiết bị.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo trường về mua sắm bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026, đối với khối tiểu học của trường TH&THCS Việt Cường. Căn cứ các nội dung trong kế hoạch, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị có ý kiến kịp thời về Ban giám hiệu nhà trường để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

HIỆU TRƯỞNG

- Phòng VH-XH (để b/c)
- Tổ trưởng chuyên môn; GV (t/h)
- Lưu VT.

Nguyễn Văn Bình